

Bản án số: 404/2021/DS-PT

Ngày 10/12/2021

V/v tranh chấp thừa kế; yêu cầu hủy
giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Minh

Ông Trần Văn Mười

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Phương Thu – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Phạm Bá Duy – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 08 và 10 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 638/2020/TLPT-DS ngày 15 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp thừa kế và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2020/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2616/QĐ-PT ngày 23 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Yến M, sinh năm 1965; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp TH, xã TPL, huyện CT, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Từ Thái H, sinh năm 1973;
Địa chỉ liên lạc: Số 75 TH, phường HT, quận TP, thành phố Hồ Chí Minh.
(Theo Văn bản ủy quyền ngày 08 tháng 10 năm 2018). (có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Thị Yến Ng, sinh năm 1962; (có mặt)

2.2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1956; (vắng mặt)

2.3. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1969; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp LĐ, xã ALL, huyện CT, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Văn D: Ông Võ Đức T1, sinh năm 1977; Địa chỉ: Phường P27, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Văn bản ủy quyền ngày 14 tháng 02 năm 2016. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị Yến Ng: Luật sư Lê Minh T – Công ty Luật TNHH A.B.C, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Long An. (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Yến Ph, sinh năm 1959; (có mặt)

Địa chỉ: Số 162/3 ấp Hội Xuân, xã DXHi, huyện CT, tỉnh Long An.

3.2. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1951; (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 5904 Myer Street, Tampa, Florida 33634 – USA (Hoa Kỳ)

3.3. Ông Nguyễn Anh T2, sinh năm 1970; (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 14317-84 AVC SURREY – BE – V3WOW4 Canada.

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Anh T2 và bà Nguyễn Thị B: Bà Nguyễn Thị Yến Ph, sinh năm 1958. (Theo Văn bản ủy quyền ngày 12 tháng 4 năm 2017). (có mặt)

3.4. Công ty Điện lực Long An

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H – Tổng Giám đốc Tổng Công ty Điện lực Miền Nam

Người đại diện theo pháp luật của ông Hợp: Ông Đoàn Tấn N – Giám đốc công ty Điện lực Long An (Theo Văn bản ủy quyền ngày 29 tháng 12 năm 2016).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Năng: Ông Nguyễn Tuấn A – Giám đốc Điện lực CT – Công ty Điện lực Long An (Theo Văn bản ủy quyền ngày 30 tháng 12 năm 2016). (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 12 TTS, Phường P3, thành phố TA, tỉnh Long An;

3.5. Ủy ban nhân dân huyện CT.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Th – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện. (vắng mặt)

3.6. Bà Lê Thị Mỹ H, sinh năm 1973; (vắng mặt)

3.7. Anh Nguyễn Minh P, sinh năm 1999; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp LĐ, xã ALL, huyện CT, tỉnh Long An;

3.8. Anh Trần Thiện T, sinh năm 1987; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp LĐ, xã ALL, huyện CT, tỉnh Long An

Người đại diện hợp pháp của anh Tân: Bà Nguyễn Thị Yến Ng, sinh năm 1965; ấp LĐ, xã ALL, huyện CT, tỉnh Long An; (Theo Văn bản ủy quyền ngày 08 tháng 9 năm 2017) (có mặt)

3.9. Anh Nguyễn Thiện Ph, sinh năm 1988; (vắng mặt)

3.10. Chị Nguyễn Yến N, sinh năm 1986; (vắng mặt)

3.11. Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1968; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp LĐ, xã ALL, huyện CT, tỉnh Long An;

Người đại diện hợp pháp của bà N1, chị N và anh Ph: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1956; Địa chỉ: ấp LĐ, xã ALL, huyện CT, tỉnh Long An (Theo Văn bản ủy quyền ngày 18 tháng 03 năm 2016 và ngày 30, 31 tháng 8 năm 2017). (vắng mặt)

3.12. Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1972; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp LĐ, xã ALL, huyện CT, tỉnh Long An;

3.13. Văn phòng Đăng ký đất đai huyện CT.

3.14. Ông Trần Văn T, sinh năm 1957; (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 330/12 đường HV, Phường 3, Thành phố TA, tỉnh Long An.

3.15. Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1964; (xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 206/6 ấp LT, xã Ttr, huyện CT, Long An.

3.16. Bà Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 1977; (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 222/3 ấp HX, xã DXH, huyện CT, tỉnh Long An.

3.17. Bà Hà Thị T, sinh năm 1960; (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 375/5 xã DXH, huyện CT, tỉnh Long An.

3.18. Bà Phạm Thị N, sinh năm 1966; (Xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 10 đường NCT, Phường 3, Thành phố TA, tỉnh Long An.

3.19. Bà Đinh Thị Thu Tr, sinh năm 1975; (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 186/6 ấp 6, xã VC, huyện CT, tỉnh Long An.

3.20. Bà Đinh Thị B, sinh năm 1953; (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 138/8 ấp 8, xã VC, huyện CT, tỉnh Long An.

3.21. Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1961; (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 117/8/ ấp 8, xã Ph TH, huyện CT, tỉnh Long An.

3.22. Ông Võ Văn L, sinh năm 1953; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 1, xã HP, huyện CT, tỉnh Long An.

3.23. Bà Võ Thị Quỳnh N, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 1, xã HP, huyện CT, tỉnh Long An;

Người đại diện hợp pháp của bà N, bà Tr, bà Bảy và bà H, ông L, bà N: Ông Võ Đức T1, sinh năm 1977. Địa chỉ: Phường P27, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Văn bản ủy quyền ngày 09 tháng 10 năm 2018). (có mặt)

Người kháng cáo: Bà Lê Thị Mỹ H và ông Nguyễn Văn D.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Yến M trình bày trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án như sau:

Cha mẹ bà là cụ Nguyễn Văn Ng1 (mất năm 1991) và cụ Nguyễn Thị X (mất năm 2013). Cha mẹ bà qua đời không để lại di chúc. Tài sản để lại hiện các anh chị em bà đang quản lý gồm: Nhà máy xay xát lúa gạo, nhà ở nằm trên thửa đất thổ vườn diện tích 5.240 m² thuộc các thửa đất số 60, 64, một phần thửa đất số 59 và thửa đất số 2922, cùng thuộc tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại xã ALL và diện tích 4.417 m² đất ruộng đối với các thửa đất số 315, 317, 318, cùng tờ bản đồ số 03.

Cha mẹ bà có 07 người con, bao gồm: Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị Yến Ph, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Yến Ng, Nguyễn Thị Yến M, Nguyễn Văn D, Nguyễn Anh T2. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Yến Ng, ông Nguyễn Văn D và ông Nguyễn Văn T là những người đang quản lý di sản phải tiến hành việc phân chia số di sản thừa kế của cụ Ng1 và cụ X để lại bao gồm: Đất thổ vườn đối với các thửa 60, 64 và thửa 2922 theo Mạnh trích đo địa chính của Công ty TNHH đo đạc nhà đất HP, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện CT duyệt ngày 16/10/2017. Bà Nguyễn Thị Yến M yêu cầu được hưởng một phần di sản trên bằng hiện vật, tương đương 1/7 tổng giá trị tài sản nêu trên. Đồng thời, bà yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện CT cấp cho ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn D.

Ngày 16/9/2017, bà Nguyễn Thị Yến M có đơn kiện bổ sung: Yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 61628 do Ủy ban nhân dân huyện CT cấp ngày 10/8/2013 cho ông Nguyễn Văn T3 phần diện tích 384,2m² thuộc một phần thửa 59, tờ bản đồ số 03; Xác định diện tích 384,2m² là di sản của cụ Ng1 và cụ X.

Đề nghị chia như sau: Ông Nguyễn Văn D được hưởng phần đất trên có căn nhà một trệt, một lầu ở vị trí A (A1, A2); Ông Nguyễn Văn T được hưởng phần ký hiệu B (luôn B1); Bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị Yến Ph, bà Nguyễn Thị Yến Ng, bà Nguyễn Thị Yến M và ông Nguyễn Anh T2 hưởng chung phần đất có ký hiệu C, D; E; F và G. Phần chênh lệch giá trị sẽ được hoàn cho các ký phần còn lại.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn xin rút yêu cầu tuyên hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH61628 do UBND huyện CT cấp ngày 10/8/2013 cho ông Nguyễn Văn T3 đối với diện tích 384,2m², thuộc một phần thửa 59, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã ALL theo Mạnh trích đo ngày 06/10/2017 của Công ty TNHH Đo đạc Nhà đất HP.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Yến Ng trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày và ý kiến của bà M, bà đề nghị được chia một phần di sản thừa kế, bà sẽ nộp đơn và nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày và ý kiến của bà M trình bày, ông yêu được chia một phần di sản thừa kế. Ông sẽ nộp đơn và tạm ứng án phí theo quy định.

Bị đơn ông Nguyễn Văn D do ông Võ Đức T1 đại diện trình bày: Hiện nay thửa 2922 và một phần thửa 59 chưa được cấp giấy cho ai (sẽ cung cấp chứng cứ cho Tòa án). Căn nhà trên một phần thửa 59 và 2922 là do ông D và bà H xây dựng và ở từ trước khi cụ X mất cho đến nay. Đối với các thửa đất lúa, ông T và ông D xác định được tương phân từ trước khi ông Ng1 mất, ông D được nhận 03 thửa đất 315, 317, 318. Đến năm 1996, ông D được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định 317 ngày 05/10/1996. Ủy ban nhân dân huyện CT xác định hiện nay đất này do ông D đứng tên nên ông D không đồng ý chia di sản thừa kế. Căn cứ vào đơn khiếu nại của cụ X chỉ khởi kiện ông T, không khởi kiện ông D. Giấy ủy quyền của cụ X cho bà Ng chỉ ủy quyền cho bà Ng để khởi kiện ông T chứ không khởi kiện ông D. Ông D sẽ có yêu cầu độc lập và nộp cho Tòa án các chứng cứ bổ sung trong thời hạn 15 ngày. Các thửa đất số 60, 64 hiện do ông T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên hiện nay không còn di sản gì để chia thừa kế. Đối với các thửa đất số 60, 64 đang nằm trong diện kê biên thi hành án số nợ của ông T (danh sách ngày 03/4/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT sẽ nộp cho Tòa án trong thời hạn 15 ngày). Do đó, không còn là di sản của cụ Ng1 và cụ X như lời trình bày của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Yến Ph trình bày: Nguyên cha mẹ bà là cụ ông Nguyễn Văn Ng1 (mất năm 1991) và cụ Nguyễn Thị X (mất năm 2013). Sau khi chết, các anh chị em trong gia đình đang quản lý số di sản của cha mẹ để lại gồm: nhà máy xay xát lúa gạo, nhà ở nằm trên thửa đất thổ vườn có diện tích 5.240 m² thuộc các thửa đất số 60, 64; một phần thửa đất số 59 và thửa đất số 2922, cùng tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại xã ALL và diện tích 4.417 m² đất ruộng đối với các thửa đất số 315, 317, 318, cùng thuộc tờ bản đồ số 03. Cha mẹ bà có tất cả là 07 người con, bao gồm: Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị Yến Ph, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Yến Ng, Nguyễn Thị Yến M, Nguyễn Văn D, Nguyễn Anh T2. Nay bà đề nghị được phân chia số di sản thừa kế nêu trên theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B trình bày tại Đơn yêu cầu và Bản tự khai ngày 07/4/2017 như sau: Bà là con cụ ông Nguyễn Văn Ng1, mất năm 1991 và cụ Nguyễn Thị X mất năm 2013. Cha mẹ bà có tất cả là 07 người con, bao gồm: Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị Yến Ph, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Yến Ng, Nguyễn Thị Yến M, Nguyễn Văn D, Nguyễn Anh T2. Sau khi chết, cha mẹ bà có để lại khối di sản gồm: 01 căn nhà và đất tại số 80/2 ấp LĐ, xã ALL. Phần đất thổ vườn diện tích 5.240 m² gồm: Thửa 60 diện tích 3.738m², thửa 64 diện tích 1.002m²; thửa 2922 diện tích 500m²; và diện tích 4.417 m² đất ruộng gồm: Thửa 315 diện tích 2.975m², thửa 317 diện tích 746m² và thửa 318 diện tích 696, các thửa đất trên cùng thuộc tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại xã ALL. Cụ Ng1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mẫu tạm của Tỉnh số 12412 ngày 31/8/1990 diện tích 8.400m², gồm hai thửa 191, 127, cùng

thuộc tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại xã ALL. Sau khi cụ Ng1 mất, năm 1992 cụ X tạo lập nhà cửa và kinh doanh lúa gạo. Anh chị em trong gia đình cùng quản lý và sử dụng nhà đất trên. Ngày 19/02/1993, cụ X được Ủy ban nhân dân huyện CT cấp phép thành lập DNTN DT. Ngày 04/3/1993, cụ X được Cơ quan Trọng tài kinh tế cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lúa gạo. Từ 1997 – 2001, toàn bộ tài sản nhà đất trên vẫn do cụ X quản lý. Ngày 07/5/2001, cụ X làm giấy ủy quyền cho ông Nguyễn Văn T đứng tên giấy kinh doanh DNTN DT. Việc quản lý, kinh doanh xay xát và ruộng lúa có sự giúp sức chính của ông T và bà Nguyễn Thị Yến Ng. Năm 1999, bà Ng ra ở riêng, nhà máy và ruộng đất do ông T và ông D quản lý. Sổ sách theo dõi thu chi có báo cáo cho cụ X hàng năm. Nguồn thu nhập chính của gia đình là từ việc xay xát, gia công lúa gạo, điện thắp sáng thanh long cho người dân và thu nhập ruộng màu. Năm 1996, ông T và ông D tự ký kê khai đăng ký toàn bộ ruộng đất nêu trên.

Năm 2009, cụ X phát hiện và đã khiếu kiện quyết định cấp đất của Ủy ban nhân dân huyện CT. Hai bản án hành chính sơ thẩm và phúc thẩm đã hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông T và ông D. Sau đó, cụ X, ông T và bà Ng quản lý, kinh doanh nhà máy xay xát. Hiện tại, trên ngôi đất thổ ngoài nhà máy xay xát và nhà thờ, cụ X có xây một căn nhà một trệt, một lầu do ông T đứng tên giấy phép xây dựng, căn nhà này cụ X cho ông T ở.

Năm 2006, Nhà nước mở rộng đường 827A, thu hồi 409m² đất thuộc một phần thửa đất số 60 và 2922.

Năm 2013, cụ X qua đời không để lại di chúc.

Năm 2014, bà M khởi kiện bà Ng, ông T và ông D, yêu cầu chia thừa kế thì tài sản được xác định theo bản vẽ của Công ty TNHH đo đạc Nhà đất HP, được Văn phòng đăng ký đất đai huyện CT duyệt ngày 24/12/2015.

Nay bà đề nghị được phân chia số di sản trên theo quy định pháp luật. Trường hợp không nhận được bằng hiện vật thì xin nhận bằng giá trị.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Anh T2 cũng có lời trình bày và yêu cầu tương tự như bà Nguyễn Thị B thể hiện tại Đơn yêu cầu và Bản tự khai ngày 07/4/2017.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N1, chị Nguyễn Yến N, anh Nguyễn Thiện Ph thống nhất trình bày: Bà N1 là vợ ông T, chị N và anh Ph là con ông T. Việc tranh chấp liên quan đến di sản của cụ Ng1 và cụ X, bà và các con không có yêu cầu gì. Bà và các con đã ủy quyền cho ông T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Thiện T trình bày: Anh là con của bà Ng. Việc tranh chấp liên quan đến di sản của ông bà ngoại, anh không có ý kiến hay yêu cầu gì và đã ủy quyền cho bà Ng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Mỹ H trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông D và người đại diện theo ủy quyền của ông D. Đồng thời, bà H còn yêu cầu làm rõ các thửa đất ông D, ông T đứng tên có phải là đất của cụ Ng1 và cụ X hay không.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Minh P là con của ông Nguyễn Văn D và bà Lê Thị Mỹ H không có lời trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện CT ủy quyền cho Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện có ý kiến tại Công văn số 118/CV-TN-MT ngày 07/12/2015 như sau:

Trước khi Ủy ban nhân dân huyện CT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 902853 và số I 307909 cùng ngày 05/10/1996 cho ông Nguyễn Văn D và ông Nguyễn Văn T thì các thửa đất trên do cụ Nguyễn Văn Ng1 đứng tên giấy chứng nhận mẫu Tỉnh (bìa trắng). Phần đất gồm các thửa 315, 317, 318, 60, 64 trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 902853 và số I 307909 cùng ngày 05/10/1996 cấp cho ông T và ông D đã bị bản án hành chính phúc thẩm số 43/2012/HC-PT của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh hủy. Sau khi bị hủy, chưa cấp lại cho ai do gia đình không ai yêu cầu.

Theo Quyết định 317/QĐ-UBND.96 ngày 05/10/1996 của Ủy ban nhân dân huyện, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T và ông D không có thửa 2922 nhưng trong giấy số H 902853 ngày 05/10/1996 của ông T có thửa 2922. Lý do là sau khi cấp, ông T có chỉnh lý biên động mục đích sử dụng đất từ thửa 60, loại đất vườn sang đất thổ (ONT), với diện tích 500m² thuộc thửa 2922 và đóng dấu treo của Ủy ban nhân dân huyện vào vị trí thửa 60 vì thay đổi diện tích.

Tại Công văn số 12 ngày 12/02/2018 và số 31 ngày 18/5/2018, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện CT thừa ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện trình bày: Thực hiện dự án cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất giai đoạn 2 đối với xã ALL, ngày 12/7/2012, ông Nguyễn Văn D đã đến Ủy ban xã thực hiện cấp đổi. Thửa đất 315, 317, 318, cùng thuộc tờ bản đồ số 03 đổi thành thửa 19, 252, cùng tờ bản đồ số 05. Thửa 60, 64 chưa được cấp đổi giấy. Cụ thể thửa 315 thành thửa 19, tờ bản đồ số 5; thửa 317, 318 thành thửa 252 cùng tờ bản đồ số 3. Việc cấp đổi đại trà giai đoạn 2. Việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn D các thửa 19 và 252, tờ bản đồ số 5, tại xã ALL là không đúng quy định của pháp luật về đất đai. Do bản án hành chính phúc thẩm số 43/2012/HC-PT của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh đã hủy giấy các thửa 315, 317, 318, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã ALL cấp cho ông D và ông T.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Võ Thị Huỳnh N, ông Võ Văn L, ông Trần Văn T, bà Đinh Thị B, bà Nguyễn Thị Thu H, ông Nguyễn Văn Tr, bà Phạm Thị N, bà Lê Thị Mỹ H, bà Nguyễn Thị Thu S, bà Hà Thị T, bà Đinh Thị Thu Tr thống nhất trình bày:

Các ông bà là người được thi hành án theo các bản án, quyết định của Tòa án. Người phải thi hành án là vợ chồng ông T và bà N1 với khoản tiền 10 tỷ đồng. Tài sản kê biên thi hành án là quyền sử dụng đất do ông T đứng tên. Việc mẹ ông T khởi kiện vụ án hành chính, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông T, được bản án hành chính phúc thẩm xét xử tại bản

án số 43/2012/HC-PT ngày 12/6/1912. Nhưng sau đó, cụ X không làm đơn yêu cầu thi hành án đến nay thời hiệu yêu cầu thi hành án đã hết. Hiện ông T vẫn đang đứng tên quyền sử dụng đất. Như vậy, quyền sử dụng đất không còn là của cụ X. Cơ quan Thi hành án đã kê biên quyền sử dụng đất của ông T để đảm bảo thi hành án. Việc tranh chấp thừa kế giữa các nguyên đơn với vợ chồng ông T liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của các ông bà. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của các nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T3 có ý kiến: Diện tích đất 384,2m² thuộc một phần thửa 59, tờ bản đồ số 03 ông được cấp đúng quy định của pháp luật. Trường hợp xác định là thuộc gia đình cụ Ng1, ông không tranh chấp. Ranh đất được xác định bằng hàng rào kiên cố như xác nhận của Văn phòng đăng ký đất đai huyện và bản vẽ của Công ty TNHH đo đạc Nhà đất HP. Đề nghị xin không tham gia tố tụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tổng Công ty Điện lực miền Nam – Điện lực CT có ý kiến tại Công văn số 91 ngày 18/10/2017 như sau:

Hiện tại, hộ kinh doanh Nguyễn Văn T và Điện lực huyện CT có ký kết hai hợp đồng mua bán điện, mục đích xay xát lúa gạo, gia công, cụ thể là Hợp đồng số 14/N04962 và Hợp đồng 16/005732. Chủ thể hợp đồng đại diện bên mua điện là ông Nguyễn Văn T, mục đích xay lúa và xay xát gia công. Riêng trên thửa đất 315, 317, 318 không tồn tại lưới điện, trạm biến áp trên đất, không có hợp đồng mua bán điện trên ba thửa đất này. Chủ sở hữu tài sản, công trình cung cấp điện cho bên mua được xác lập theo hai hợp đồng. Hiện hai hợp đồng vẫn còn hiệu lực: Bên bán Điện lực CT; bên mua cá nhân ông Nguyễn Văn T. Trong trường hợp theo quyết định của Tòa án, người ký hợp đồng không còn là sở hữu thì chủ cũ sẽ thanh lý hợp đồng với Điện lực, người mới có nhu cầu sẽ được hướng dẫn làm thủ tục sang tên.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT trình bày tại Công văn số 902/CV-CCTHADS ngày 09/7/2018:

Căn cứ bản án số 90/2009/DS-ST ngày 06/11/2009 của Tòa án nhân dân huyện CT, ngày 11/12/2009 Chi cục Thi hành án huyện CT ra quyết định số 215/QĐ-THA buộc bà Nguyễn Thị N1 - vợ ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm trả nợ cho bà Lê Thị Mỹ H - vợ ông Nguyễn Văn D 625.000.000đ và lãi suất chậm thi hành án. Ngày 22/4/2010, các bên thỏa thuận thi hành án, ông T và bà N1 chuyển một phần thửa đất số 60 và một phần thửa đất số 2922, tờ bản đồ số 3, để khấu trừ số tiền nợ. Ngày 04/5/2010, Chi cục Thi hành án tiến hành giao đất theo thỏa thuận cho bà Mỹ Hoa. Ngày 06/5/2010, bà Nguyễn Thị X là mẹ của ông T khởi kiện xin hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông T đứng tên do cấp trái quy định pháp luật. Bản án hành chính phúc thẩm số 43/2012/HC-PT của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh đã hủy một phần quyết định 317 ngày 05/10/1996 của Ủy ban nhân dân huyện CT về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T và ông D số H 902853 và số I 307909 cùng ngày 05/10/1996. Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT chưa kê biên các thửa đất 60, 64, 2922 và các thửa 315, 317, 318, tờ bản đồ số 3

- Thừa mới là thửa 252 và 19, cùng thuộc tờ bản đồ số 05, đất tọa lạc tại ấp LĐ, xã ALL. Chi cục Thi hành án dân sự đề nghị vắng mặt, không tham gia tố tụng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2020/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã quyết định như sau:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Yến M về việc yêu cầu tuyên hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH61628 do UBND huyện CT cấp ngày 10/8/2013 cho ông Nguyễn Văn T3 đối với diện tích 384,2m², thuộc một phần thửa 59, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã ALL - theo Mạnh trích đo ngày 06/10/2017 của Công ty TNHH Đo đạc Nhà đất HP.

Đương sự được quyền kiện lại theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Yến M đối với bà Nguyễn Thị Yến Ng, ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn D về việc “tranh chấp thừa kế và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”

2.1. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp cho ông Nguyễn Văn D số BN 177869 đối với thửa đất số 19, tờ bản đồ số 05, diện tích 2949, 4m² và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 177870 đối với thửa đất số 252, tờ bản đồ số 05, diện tích 1.278,8m² cùng ngày 21/6/2013 của Ủy ban nhân dân huyện CT.

2.2. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Yến M, bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị Yến Ph, bà Nguyễn Thị Yến Ng, Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Anh T2 về việc chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn Văn Ng1 và cụ Nguyễn Thị X.

2.2.1. Chia cho ông Nguyễn Văn D được nhận phần căn nhà số 1 và phần đất thuộc Khu A, A1 và A2, diện tích là 801,3m². Có vị trí tứ cận theo Mạnh trích đo ngày 28/6/2018 và diện tích khu B thửa 318, diện tích 669m² có vị trí tứ cận theo Mạnh trích đo ngày 14/5/2015.

2.2.2. Chia cho ông Nguyễn Văn T được nhận phần đất thuộc khu B và B1, diện tích là 801,2m². Có vị trí tứ cận theo Mạnh trích đo ngày 28/6/2018 và diện tích khu A thửa 317, diện tích 743,7m² theo Mạnh trích đo ngày 14/5/2015.

2.2.3. Chia cho bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị Yến Ph, bà Nguyễn Thị Yến Ng, bà Nguyễn Thị Yến M và ông Nguyễn Anh T2 nhận chung phần đất có diện tích 4.007,1m² (mỗi người nhận 801,4m²) thuộc Khu C, D có các căn nhà số 2, 7, 8, 9, 11 và 12. Có vị trí, tứ cận theo Mạnh trích đo ngày 28/6/2018 và diện tích khu C thửa 315, diện tích 2.816m² (mỗi người nhận 563,2m²), có vị trí tứ cận theo Mạnh trích đo ngày 14/5/2015.

2.2.4. Buộc ông Nguyễn Văn D phải hoàn giá trị chênh lệch cho ông Nguyễn Văn T 326.603.499 đồng

2.2.5. Buộc bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị Yến Ph, bà Nguyễn Thị Yến Ng, bà Nguyễn Thị Yến M, ông Nguyễn Anh T2 phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn D số tiền là 83.955.858 đồng.

2.2.6. Buộc bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị Yến Ph, bà Nguyễn Thị Yến Ng, bà Nguyễn Thị Yến M, ông Nguyễn Anh T2 phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn T số tiền thanh long trên thửa 60 là 74.250.000 đồng

2.2.7. Bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị Yến Ph, bà Nguyễn Thị Yến Ng, bà Nguyễn Thị Yến M, ông Nguyễn Anh T2 được quyền thỏa thuận với nhau để phân chia phần di sản được chia. Trường hợp có tranh chấp giải quyết bằng vụ án khác.

2.3. Ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Yến Ph, bà Nguyễn Thị Yến Ng, bà Nguyễn Thị Yến M được quyền kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản theo quy định của pháp luật đất đai theo khoản 3 Điều 100 và Khoản 2 Điều 170 Luật Đất đai 2013. *Nhà và đất có diện tích, vị trí và tứ cận theo Mảnh trích đo địa chính của Công ty TNHH đo đạc Nhà đất HP được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện CT duyệt ngày 14/5/2015, ngày 28/6/2018.*

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng khác, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Lê Thị Mỹ H và ông Nguyễn Văn D kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Quá trình Tố tụng tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành Phố Hồ Chí Minh

Phiên tòa phúc thẩm lần 1 mở vào ngày 12/3/2021, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa do người kháng cáo ông Nguyễn Văn D và bà Lê Thị Mỹ H vắng mặt không lý do, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

Phiên tòa phúc thẩm lần 2 mở vào ngày 23/4/2021, người kháng cáo bà Lê Thị Mỹ H vắng mặt không lý do. Tuy vậy, quá trình kiểm tra báo phát chưa có kết quả hồi báo về việc đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập cho bà H hay chưa nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

Phiên tòa phúc thẩm lần 3 mở vào ngày 19/11/2021, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa do nguyên đơn bà Nguyễn Thị Yến M, bị đơn bà Nguyễn Thị Yến Ng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Yến Ph, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp ông Lê Minh T vắng mặt lần thứ nhất và có báo cáo về việc ông Tuấn bị F0 đang cách ly. Ngoài ra, bà Lê Thị Mỹ H và ông Võ Đức T1 có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do chờ Cơ quan điều tra Viện kiểm sát tối cao trả lời theo phiếu chuyển đơn của Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm lần 4 (hôm nay) Hội đồng xét xử tiếp tục nhận được đơn xin hoãn phiên tòa của bà Lê Thị Mỹ H với lý do giống các lần trước

đây là chờ Cơ quan điều tra Viện kiểm sát tối cao trả lời theo phiếu chuyển đơn của Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn D là ông Võ Đức T1 đề nghị thay người Tiến hành Tố tụng là Chủ tọa phiên tòa là bà Phạm Thị Duyên vì lý do: Trước khi mở phiên tòa phúc thẩm ông đã làm đơn đề nghị Tòa phúc thẩm Định giá lại tài sản và Thẩm định tại chỗ tài sản đang tranh chấp nhưng chủ tọa phiên tòa không thực hiện theo đơn đề nghị mà lại mở phiên tòa xét xử là vi phạm tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến về sự kiện pháp lý phát sinh nêu trên tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung đơn xin hoãn phiên Tòa của bà H bởi việc khiếu nại của bà H đối với hành vi vi phạm của các tổ chức cá nhân nêu trong đơn không thuộc lý do để hoãn phiên tòa phúc thẩm của vụ án này.

- Đối với đề nghị xin thay đổi người tiến hành tố tụng là chủ tọa phiên tòa vì lý do không có tiến hành Thẩm định tại chỗ cũng như định giá lại tài sản theo đề nghị của ông T1 trước khi mở phiên tòa phúc thẩm là vi phạm Tố tụng là không có cơ sở được chấp nhận bởi: Cấp phúc thẩm xét xử theo yêu cầu kháng cáo bản án sơ thẩm của ông D bà H, các vấn đề cho rằng cấp sơ thẩm chưa làm đầy đủ cần bổ sung thì phải được Hội đồng xét xử xem xét quyết định tại phiên tòa phúc thẩm. Do vậy lý do xin thay đổi người tiến hành tố tụng của ông T1 là không có căn cứ để chấp nhận.

Hội đồng xét xử vào phòng nghị án Thảo luận về các sự kiện pháp lý tại phiên tòa. Sau khi thảo luận Thẩm phán Trần Văn Mười thành viên Hội đồng xét xử công bố kết quả thảo luận của Hội đồng xét xử là: Không chấp nhận nội dung xin hoãn phiên tòa của bà Lê Thị Mỹ H và việc đề nghị thay đổi chủ tọa phiên tòa của ông Võ Đức T1 vì lý do chủ tọa phiên tòa vi phạm Tố tụng như nội dung đề nghị là không có cơ sở chấp nhận. Ngoài ra thì Hội đồng xét xử còn xét thấy, lý do ông T1 nêu để yêu cầu thay đổi người tiến hành Tố tụng không thuộc các nội dung mà pháp luật quy định về việc phải xem xét để thay đổi người tiến hành tố tụng theo yêu cầu của các đương sự. Các nội dung đề nghị cấp phúc thẩm tiến hành định giá hoặc thẩm định tại chỗ sẽ được xem xét chấp nhận hay không là thuộc quyết định của Hội đồng xét xử tại phiên tòa xét xử phúc. Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục phiên tòa.

Phiên tòa tiếp tục

- Người kháng cáo có mặt tại phiên tòa giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và do người đại diện theo ủy quyền trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông D và bà H tuyên xử Hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Long An. Lập luận chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nêu:

- + Tòa án nhân dân tỉnh Long an đã vi phạm nghiêm trọng Tố tụng gồm các nội dung vi phạm: Sử dụng kết quả định giá đã quá sáu tháng; thực tế tài sản

tranh chấp không còn nguyên trạng như ban đầu khởi kiện; Việc tuyên bản án về các thửa đất giao cho ông D là không có thực nên việc thi hành án sẽ không thi hành được; Bản án sơ thẩm kết luận bản án hành chính phúc thẩm là chứng cứ không phải chứng minh là không đúng bởi bản án này đang bị bà H khiếu nại tại Tòa án nhân dân Tối cao. Ngoài ra, ông T1 bảo lưu các nội dung đơn kháng cáo ông đã nêu về những vi phạm tố tụng khác của tòa án cấp sơ thẩm, ông sẽ trình bày thêm tại phần tranh luận.

+ Về nội dung Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ chứng cứ không có thực không còn nguyên trạng để xử làm ảnh hưởng quyền lợi của ông D bà H. Ông T1 giữ nguyên các nội dung kháng cáo đã nêu trong đơn kháng cáo về việc xác định cụ Ng1 và cụ X không có di sản thừa kế nên không đồng ý chia di sản thừa kế.

- Các đương sự tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa phúc thẩm khác (là các đương sự không có kháng cáo) trình bày: Không đồng ý yêu cầu kháng cáo của người kháng cáo, đề nghị Tòa phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Phản tranh luận

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn D là ông Võ Đức T1 tranh luận: Tài sản do cụ Ng1, cụ X để lại không có thửa 2922, 59. Thửa 2922 là do viết tay vào giấy chứng nhận của ông Nguyễn Văn T chứ không phải chỉnh lý. Thửa 59 ông Tử đang đứng tên. Nhà ông D đang nằm trên thửa 2922 và thửa 59. Về mặt tài sản trên đất: Bà Nguyễn Thị Yến Ng đã thay đổi toàn bộ tài sản trên đất không còn đúng như phần nhận định và phần quyết định của Tòa án sơ thẩm. Tôi đề nghị thẩm định lại nhưng không được Tòa sơ thẩm chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để bản án có thể thi hành được.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Yến Ng là ông Từ Thái Huy tranh luận: Theo Quyết định 317/QĐ-UBND.96 ngày 05/10/1996 của Ủy ban nhân dân huyện, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T và ông D không có thửa 2922 nhưng trong giấy số H 902853 ngày 05/10/1996 của ông T có thửa 2922. Lý do là sau khi cấp, ông T có chỉnh lý biên động mục đích sử dụng đất từ thửa 60, loại đất vườn sang đất thổ (ONT), với diện tích 500m2 thuộc thửa 2922 và đóng dấu treo của Ủy ban nhân dân huyện vào vị trí thửa 60 vì thay đổi diện tích. Do đó, đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Yến Ng là ông Lê Minh T tranh luận: Thửa 2922 là chỉnh lý từ thửa số 60. Đối với thửa 59, ông Tử đã được cấp giấy mới không liên quan đến thửa này nữa, thửa 59 chưa được cấp giấy cho ai, ông Ng1 cụ X sử dụng lâu dài nên đây là di sản thừa kế. Đối với hiện trạng tài sản trên đất: Trước đây ông D bà H không tham gia nên đã từ chối quyền của mình. Tòa án cấp sơ thẩm đã ngừng phiên tòa để cho ông D bà H nộp tiền định giá lại nhưng ông D bà H lại không thực hiện. Đề nghị bác kháng cáo của ông D, bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã tiến hành đúng theo quy định của luật tố tụng hiện hành, không làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Xét về nội dung vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ các chứng cứ thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng để phán xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông D bà H kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng.

Xét các nội dung kháng cáo của ông D bà H liên quan đến việc tiến hành Tố tụng của Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm và các nội dung yêu cầu của ông T1 về việc đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao thẩm định tại chỗ, định giá lại tài sản đang tranh chấp.

[1.1] Đối với các nội dung kháng cáo nêu tố cáo hành vi của Chủ tọa phiên tòa cấp sơ thẩm vi phạm pháp luật khác mà bà H đang tố cáo tại cơ quan Điều tra HXX xét thấy: Nội dung kháng cáo này không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm. Bởi, phạm vi xét xử phúc thẩm là xét xử theo thủ tục phúc thẩm đối với việc tiến hành Tố tụng cũng như nội dung phán xử về các nội dung tranh chấp trong bản án sơ thẩm, trên cơ sở các yêu cầu kháng cáo kháng nghị.

[1.2] Xét nội dung kháng cáo nêu cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vi phạm nghiêm trọng các thủ tục tố tụng trong quá trình thụ lý giải quyết, từ đó đề nghị Tòa cấp phúc thẩm Hủy bản án sơ thẩm.

Xét nội dung kháng cáo cho rằng quy trình tiến hành tố tụng không đúng: Trên cơ sở các chứng cứ đã thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng tại Tòa án tỉnh Long An thể hiện:

Ngày 16/01/2017, bà Nguyễn Thị Yến M khởi kiện ra Tòa án.

Ngày 02/02/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý vụ án tranh chấp thừa kế.

Ngày 13/4/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý bổ sung.

Ngày 16/9/2017, bà Nguyễn Thị Yến M có đơn kiện bổ sung: Yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 61628 do Ủy ban nhân dân huyện CT cấp ngày 10/8/2013 cho ông Nguyễn Văn T3 phần diện tích 384,2m² thuộc một phần thửa 59, tờ bản đồ số 03; Xác định diện tích 384,2m² là di sản của cụ Ng1 và cụ X.

Đề nghị chia như sau: Ông Nguyễn Văn D được hưởng phần đất trên có căn nhà một trệt, một lầu ở vị trí A (A1, A2); Ông Nguyễn Văn T được hưởng phần ký hiệu B (luôn B1); Bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị Yên Ph, bà Nguyễn Thị Yên Ng, bà Nguyễn Thị Yên M và ông Nguyễn Anh T2 hưởng chung phần đất có ký hiệu C, D; E; F và G. Phần chênh lệch giá trị sẽ được hoàn cho các ký phần còn lại.

Tòa án tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải. Các bên không cung cấp hay yêu cầu gì khác, cũng không thỏa thuận được.

Ngày 21 tháng 8 năm 2018, Tòa án nhân dân tỉnh Long An ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Mỹ H có đơn khiếu nại thay đổi người tiến hành tố tụng và yêu cầu đình chỉ việc giải quyết vụ án.

Ngày 31/7/2018, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Long An có Thông báo giải quyết khiếu nại.

Ngày 21/8/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Long An tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bảy, bà Hồng, ông Tr, bà Mỹ Hoa khiếu nại Thông báo giải quyết việc khiếu nại.

Tòa án nhân dân tỉnh Long An tạm đình chỉ chờ giải quyết việc khiếu nại.

Ngày 10/9/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Long An nhận được đơn yêu cầu thay đổi Thẩm phán chủ tọa phiên tòa.

Ngày 05/10/2019, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Long An trả lời khiếu nại.

Ngày 30/3/2020, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trả lời khiếu nại.

Ngày 11/5/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Long An ban hành Thông báo mở lại phiên tòa.

Phiên Tòa mở vào ngày 7 và ngày 10 tháng 9 năm 2020.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Mỹ H yêu cầu hoãn phiên tòa; Đại diện cho ông D yêu cầu thay đổi Thẩm phán. Căn cứ khoản 1 Điều 223; Các Điều 52, Điều 53 và Điều 56 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm không chấp nhận các yêu cầu của ông T1 và bà H. Căn cứ nội dung trên thể hiện trình tự tiến hành tố tụng và xét xử vụ án là không vi phạm tố tụng như phía người kháng cáo đã nêu.

Xét nội dung kháng cáo cho rằng Tòa sơ thẩm xác định thiếu người tham gia Tố tụng xét thấy;

Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT là cơ quan thi hành án theo bản án, quyết định có hiệu lực của Tòa án đối với vụ án khác. Trong vụ án này cơ quan thi hành án đã có ý kiến trình bày xác định Chi cục Thi hành án dân sự huyện

CT không có liên quan về quyền hay nghĩa vụ. Mặt khác, trên thửa đất 2922 có một chốt dân phòng gia đình bà Ng cho làm tạm để giữ an ninh trật tự, không kiên cố. Do vậy, căn cứ khoản 6 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân tỉnh Long An không đưa Chi cục Thi hành án, Đội dân phòng vào tham gia tố tụng theo yêu cầu của ông Võ Đức T1 là có căn cứ đúng pháp luật.

Xét nội dung kháng cáo nêu Tòa sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ

Đương sự có quyền yêu cầu và có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ chứng minh. Đương sự không hợp tác, không thực hiện quyền tranh tụng phải gánh lấy hậu quả của việc tự tước đi quyền do Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định. Tòa án xét xử trên cơ sở chứng cứ do đương sự cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập khi thấy cần thiết theo quy định tại Khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Đương sự trình bày nhưng không đưa ra được chứng cứ xem như không có chứng cứ đó. Những tình tiết, sự việc đã được xác định trong Bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo điểm b khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Hơn nữa, phía bà Lê Thị Mỹ H với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khiếu nại việc định giá tài sản, cho rằng việc định giá đã lâu nhưng không nộp chi phí yêu cầu thẩm định lại theo biên bản làm việc ngày 13/7/2020 nên Tòa căn cứ vào chứng cứ do cơ quan chuyên môn cung cấp để giải quyết vụ án.

Mặt khác, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm tiến hành chia thừa kế theo hiện vật. Bản thân ông D là người được nhận hiện vật đang sử dụng có giá trị nhiều hơn các đồng thừa kế khác nên phải hoàn trả lại phần chênh lệch cho các đồng thừa kế. Do vậy việc cho rằng giá hiện tại cao hơn giá đã định từ năm 2015 nếu có thực thì ông D sẽ là người thiệt hại khi định giá lại theo yêu cầu của ông T1 người được ông D ủy quyền. Đối với nội dung nêu về số thừa chia cho ông D là không có thực. Xét thấy, nội dung này đã được văn bản của cơ quan có thẩm quyền giải thích về việc tên gọi thừa có sự khác biệt là do bản đồ cũ và mới. Hơn nữa việc chia di sản thừa kế cho các đồng thừa kế trên thực tế đang sử dụng của các đương sự và sơ đồ đo vẽ hiện trạng đất nhà tranh chấp của cơ quan chuyên môn nên những lý do ông T1 nêu là không có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên tòa, đại diện của ông D yêu cầu thẩm tra lại hiện trạng tài sản tranh chấp vì bà Ng có thay đổi một số hạng mục so với lần thẩm định trước đây. Bà Ng trình bày không đặt ra yêu cầu đối với công trình làm thêm trên đất và đồng ý tháo dỡ trong trường hợp chia cho các thừa kế khác. Việc bà Ng làm thêm phát sinh sau khi có biên bản thẩm định, định giá và bà Ng có cam kết tự tháo dỡ không yêu cầu trả giá trị nên việc thẩm định lại là không cần thiết, chỉ kéo dài thời gian tố tụng.

Từ các nội dung nêu trên cho thấy việc thu thập chứng cứ của Tòa án sơ thẩm là đủ và đúng quy trình không làm ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

[2] **Về nội dung:** Căn cứ chứng cứ thu thập trong quá trình Tố tụng và phần trình bày của các đương sự tại phiên tòa sơ thẩm thể hiện các nội dung tranh chấp yêu cầu tòa giải quyết như sau:

[2.1] Bà Nguyễn Thị Yến M do ông Từ Thái Huy đại diện nêu các yêu cầu khởi kiện gồm:

- Đề nghị Tòa tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 177869 đối với thửa đất số 19, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã ALL, diện tích 2949,4m² và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 177870 đối với thửa 252, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã ALL, diện tích 1278,8m² do UBND huyện CT cấp ngày 21/6/2013 cho ông Nguyễn Văn D;

- Xin rút yêu cầu tuyên hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH61628 do UBND huyện CT cấp ngày 10/8/2013 cho ông Nguyễn Văn T3 đối với diện tích 384,2m², thuộc một phần thửa 59, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã ALL theo Mảnh trích đo ngày 06/10/2017 của Công ty TNHH Đo đạc Nhà đất HP.

- Yêu cầu chia di sản của cụ Ng1 và cụ X để lại, bao gồm các căn nhà và đất tại các thửa đất số 315, 317, 318, 60, 64, 2922 và 59, cùng thuộc tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã ALL, huyện CT, tỉnh Long An. Cụ thể diện tích các di sản như sau: Phần đất 384,2m² thuộc một phần thửa cũ 59, tờ bản đồ số 3; 01 nhà lầu, mái ngói có diện tích 115,7m² nằm trong khu A và A1 (ký hiệu: 1); 01 nhà kho mái tôn diện tích 169,1m² nằm trong khu C (ký hiệu: 2); 01 nhà ở mái tôn, vách tôn diện tích 89,9m² nằm trong khu C và D (ký hiệu: 7); 01 nhà ngói vách tường gạch diện tích 203,9m² nằm trong khu D (ký hiệu: 12); 01 nhà tắm, diện tích 6m² nằm trong khu C (ký hiệu: 8); 01 nhà vệ sinh, diện tích 3,1m² nằm trong khu C (ký hiệu: 9); 01 nhà xưởng diện tích 773,7m² nằm trong khu C và D (ký hiệu: 11); 02 trạm biến điện gồm 06 bình điện; Diện tích đất đo đạc thực tế là 5.609,6m² thuộc thửa mới là số 04, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại xã ALL (Thửa cũ gồm: một phần thửa 59: 384,3m²; thửa 2922: 487,4m²; thửa 60: 3722,2m²; thửa 64: 1.015,3m², cùng thuộc tờ bản đồ số 3) nằm trong các khu A, B, C và D trong Mảnh trích đo ngày 22/6/2018; Đất LUC, thửa 317, tờ bản đồ số 3, diện tích 743,7m²; Đất LUC, thửa 318, tờ bản đồ số 3, diện tích 669m²; Đất LUC, thửa 315, tờ bản đồ số 3, diện tích 2816m².

Hai cụ Ng1 và cụ X chết không để lại di chúc và cha mẹ hai cụ chết trước hai cụ.

- + Hàng thừa kế thứ nhất là 07 người con của hai cụ là Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị Yến Ph, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Yến Ng, Nguyễn Thị Yến M, Nguyễn Văn D và Nguyễn Anh T2.

- + Phương pháp chia nguyên đơn bà M yêu cầu được chia các tài sản trên làm 07 phần và chia cụ thể như sau:

Chia cho ông D phần căn nhà số 1 và phần đất thuộc Khu A, A1 và A2, diện tích là 801,3m² theo Mảnh trích đo ngày 28/6/2018 và diện tích khu B thửa 318, diện tích 669m² theo Mảnh trích đo ngày 14/5/2015;

Chia cho ông T phần đất thuộc khu B và B1, diện tích là 801,2m² theo Mảnh trích đo ngày 28/6/2018 và diện tích khu A thửa 317, diện tích 743,7m² theo Mảnh trích đo ngày 14/5/2015;

Chia cho bà B, bà Ph, bà Ng, bà M và ông Tuấn nhận chung phần đất có diện tích 4.007,1m² (mỗi người nhận 801,4m²) thuộc các Khu C, D có các căn nhà số 2, 7, 8, 9, 11 và 12 theo Mảnh trích đo ngày 28/6/2018 và diện tích khu C thửa 315, diện tích 2.816m² (mỗi phần 563,2m²) theo Mảnh trích đo ngày 14/5/2015.

Người nào được nhận tài sản giá trị cao hơn thì thanh toán lại cho người kia giá trị phần chênh lệch.

Đối với các tài sản như nhà, mái che ký hiệu số 3, 4, 5, 6 và số 13 là tài sản của bà Ng xây dựng tạm để kinh doanh, bà Ng có nghĩa vụ tháo dỡ hoặc tự thỏa thuận với những người nhận chung tài sản nếu có tranh chấp. Riêng đối với căn nhà số 10 là nhà bảo vệ của Dân phòng nằm trong khối tài sản bà Ng, bà M được chia. Phía nguyên đơn đồng ý tiếp tục sử dụng làm nhà dân phòng.

[2.2] Phân trình bày của các bị đơn

- *Bị đơn bà Nguyễn Thị Yến Ng đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn.* Bà Ng thừa nhận do không hiểu pháp luật và việc tranh chấp kéo dài quá lâu, để thuận tiện cho việc làm ăn nên bà có sửa và làm thêm một số hạng mục. Khi chính quyền can thiệp, nhắc nhở, bà có cam kết tự tháo dỡ hoặc phá bỏ nếu bà không được chia thừa kế phần này. Tại phiên tòa, bà vẫn giữ nguyên việc cam kết này. Cụ X nói thêm là có tráng nền xi măng cho sạch sẽ, làm tiền chế mái che. Phía đại diện ông D đặt ra yêu cầu chia thu nhập từ việc quản lý, sử dụng tài sản, bà không đồng ý. Trước giờ các thừa kế không ai đặt ra việc này và không có căn cứ như ông T1 (đại diện của ông D nêu) trình bày.

- *Ông Nguyễn Văn T công nhận nội dung vụ việc như trình bày của phía nguyên đơn nêu là đúng và đề nghị Tòa chia thừa kế theo pháp luật.*

- *Bị đơn ông Nguyễn Văn D do ông Võ Đức T1 đại diện trình bày:*

Đối với quyền sử dụng đất ông D đứng tên, ngày 19/5/2010, cụ X ủy quyền cho bà Ng chỉ kiện hủy giấy của ông T, không ủy quyền kiện hủy giấy của ông D nhưng bà Ng vẫn kiện hủy giấy của cả ông D, được xét xử bởi hai bản án hành chính sơ thẩm và phúc thẩm. Phía bà H đang có đơn tố cáo. Thửa 2922 đang có tranh chấp giữa ông D và ông T3 nên việc nguyên đơn tranh chấp yêu cầu chia thừa kế là sai. Trên đất tranh chấp, bà Ng đã làm thay đổi hiện trạng tài sản, đề nghị bác yêu cầu của nguyên đơn. Ngoài ra, phía bị đơn ông D có phản tố đề nghị chia phần thu nhập của bà Ng trong thời gian qua.

Ngoài ra thì đại diện của ông D nêu thêm các lý do sau:

Thứ nhất, nguyên đơn căn cứ vào bản án Hành chính sơ thẩm nhưng trong vụ án này, cụ X không ủy quyền kiện hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông D. Bản án này sau đó được giữ nguyên bởi bản án hành chính phúc thẩm nhưng đang có tố cáo tại Cục Cảnh sát điều tra. Các thửa đất ông D đứng tên theo xác nhận của địa phương là đúng nên việc nguyên đơn yêu cầu hủy và chia thừa kế là không đúng. Thửa 59 không phải là đối tượng chia thừa kế vì đó là tài sản của ông D và bà H.

Thứ hai, về tố tụng, trước ngày 04/6/2020, phía người liên quan có nhiều đơn tố cáo nhưng chưa được giải quyết. Bà H đã có khiếu nại về giá nhưng không được xem xét. Có dấu hiệu làm sai lệch hồ sơ vụ án. Bản án hành chính chưa có đơn yêu cầu thi hành án. Công văn trả lời của thi hành án là sai nhưng không đưa thi hành án vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Piazza nguyên đơn trình bày nhà trên đất, ông D và bà H đang quản lý sử dụng không phải của ông D, bà H bỏ tiền ra xây mà là của cụ X, cụ Ng1 theo giấy phép xây dựng nhưng giấy phép xây dựng không thể hiện người bỏ tiền xây dựng.

[2.3] Phần trình bày của những người có quyền và nghĩa vụ liên quan

- *Các đồng thừa kế ông Nguyễn Anh T2, bà Nguyễn Thị B và bà Nguyễn Thị Yến Ph (Do bà Ph làm đại diện) nêu:* công nhận nội dung vụ việc như trình bày của phía nguyên đơn nêu là đúng và đề nghị Tòa chia thừa kế theo pháp luật.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Mỹ H* thống nhất với trình bày của ông T1 với tư cách người đại diện cho bị đơn ông D. Nhà trên đất thửa đất 2922 là do vợ chồng bà cất ở nhiều năm; đất không biết của ai nhưng không phải của cụ Ng1 và cụ X. Việc bà Ng rào trên thửa đất trồng thanh long đã gây thiệt hại cho gia đình bà, yêu cầu phải bồi thường.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như bà N, bà Tr, bà H, bà B, ông L, bà N do ông Toàn đại diện theo ủy quyền trình bày:* Phía nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế các thửa đất 60, 64 do ông T đứng tên liên quan đến quyền lợi những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đang có yêu cầu thi hành án. Đất ông T đang đứng tên nên không có căn cứ chia thừa kế. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất không đồng ý yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông T. Việc ông T đứng tên quyền sử dụng và dùng giấy này thế chấp vay tiền nhiều lần trong đó có nợ các liên quan trong vụ án này gần 6 tỉ đồng. Khi cụ X khiếu nại việc ông T gian dối kê khai đứng tên quyền sử dụng đất, UBND huyện trả lời khiếu nại là không có cơ sở. Phía người đại diện nguyên đơn, bị đơn bà Ng và Luật sư cho rằng quyền sử dụng đất chưa cấp cho ai là không có căn cứ.

- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác (vắng mặt tại phiên tòa) có lời trình bày phản ánh tại phần nội dung vụ án.

[3] Xét phần nhận định của Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm được nêu trong bản án sơ thẩm:

- Đối với nội dung Bà Nguyễn Thị Yến M rút khỏi kiện phân yêu cầu tuyên hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH61628 do UBND huyện CT cấp ngày 10/8/2013 cho ông Nguyễn Văn T3 đối với diện tích 384,2m², thuộc một phần thửa 59, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã ALL theo Mảnh trích đo bản vẽ ngày 06/10/2017 của Công ty TNHH Đo đạc Nhà đất HP. Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Đình chỉ xét xử phần này là có căn cứ đúng pháp luật. Mặt khác nội dung này không bị kháng cáo kháng nghị nên có hiệu lực thi hành.

- Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Yến M và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Yến Ph, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Anh T2:

[3.1] Đối với nội dung nguyên đơn yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Văn D, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã nhận định:

* Ngày 05/10/1996, Ủy ban nhân dân huyện CT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 902853 cho ông Nguyễn Văn T và số I 307909 ông Nguyễn Văn D đối với các thửa đất 315, 317, 318, 60, 64. Việc cấp quyền sử dụng đất cho ông T và ông D trên cơ sở Quyết định số 317/QĐ.UB.96 ngày 05/10/1996. Tuy nhiên, hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này đã bị hủy bởi bản án hành chính sơ thẩm số 01 ngày 19/01/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An. Lý do việc cấp không đúng trình tự, thủ tục, đã tước đi quyền của các đồng thừa kế của cụ Ng1. Tại bản án số 43/2012/HC-PT ngày 12/6/2012 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm giữ nguyên. Bản án đang có hiệu lực pháp luật. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

* Ngày 12/7/2012, ông Nguyễn Văn D đến Ủy ban nhân dân xã ALL thực hiện cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo dự án cấp đổi đất ở và nhà ở giai đoạn 2 đối với xã ALL. Ngày 21/6/2013, ông D được Ủy ban nhân dân huyện CT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 177869 đối với thửa đất số 19, tờ bản đồ số 05 diện tích 2949, 4m² và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 177870 đối với thửa đất số 252, tờ bản đồ số 05 diện tích 1.278,8m² (Tờ bản đồ số 3 là thửa là các thửa 315, 317, 318). Căn cứ vào Công văn số 12/CV-TNMT ngày 12/02/2018 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện CT xác định việc cấp cho ông D là trên cơ sở cấp đổi đại trà giai đoạn 2 tại Ủy ban nhân dân xã ALL. Theo Công văn số 31/CV-TNMT ngày 18/8/2018 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện CT, việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn D các thửa 19 và 252, tờ bản đồ số 5, tại xã ALL là không đúng quy định của pháp luật về đất đai. Do bản án hành chính phúc thẩm số 43/2012/HC-PT của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố

Hồ Chí Minh đã hủy giấy các thửa 315, 317, 318 tờ bản đồ số 3, xã ALL cấp cho ông D.

* Xét việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 177869 đối với thửa đất số 19, tờ bản đồ số 05 diện tích 2949, 4m² và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 177870 đối với thửa đất số 252, tờ bản đồ số 05 diện tích 1.278,8m² cùng ngày 21/9/2013 cho ông D là trên cơ sở cấp đổi. Nhưng tại bản án hành chính phúc thẩm số 43/2012/HC-PT của Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh đã hủy giấy các thửa 315, 317, 318, tờ bản đồ số 3, xã ALL cấp cho ông D. Cho nên cơ sở để cấp đổi cho ông D là không đúng vì quyền sử dụng đất không còn thuộc quyền sử dụng của ông D nữa như xác định của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện CT. Do việc cấp quyền sử dụng đất cho ông D không đúng đối tượng, cấp không có căn cứ theo khoản 1, 2 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003; Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M, áp dụng Khoản 4 Điều 32 Luật tổ tụng hành chính và khoản Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp cho ông Nguyễn Văn D số BN 177869 đối với thửa đất số 19, tờ bản đồ số 05 diện tích 2949, 4m² và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 177870 đối với thửa đất số 252, tờ bản đồ số 05 diện tích 1.278,8m² cấp cùng ngày 21/6/2013 của Ủy ban nhân dân huyện CT.

[3.2] Đối với nội dung yêu cầu chia thừa kế Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm nhận định.

**Xác định di sản thừa kế:* Theo Công văn số 118/CV-TN-MT ngày 07/12/2015 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện CT, các thửa đất 315, 317, 318, 60, 64 trước đó do cụ Nguyễn Văn Ng1 được đứng tên trên giấy chứng nhận mẫu Tỉnh (bìa trắng). Sau khi cụ Ng1 mất, ông D và ông T kê khai đăng ký. Theo Quyết định 317/QĐ-UBND.96 ngày 05/10/1996 của Ủy ban nhân dân huyện, khi cấp quyền sử dụng đất cho ông T và ông D không có thửa 2922 nhưng trong quyền sử dụng đất của ông T có thửa 2922 là do ông T có chỉnh lý biến động mục đích sử dụng đất từ thửa 60 loại đất vườn sang đất thổ (ONT), với diện tích 500m² thuộc thửa 2922. Tại Công văn số 12 ngày 12/02/2018 và số 31 ngày 18/5/2018 Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện CT cho biết thửa đất 315, 317, 318 cùng tờ bản đồ số 03 đổi thành thửa 19, 252 cùng tờ bản đồ số 05. Thửa 60, 64 chưa được cấp đổi giấy. Cụ thể thửa 315 thành thửa 19 tờ bản đồ số 5; thửa 317, 318 thành thửa 252, cùng tờ bản đồ số 5.

Như vậy, tài sản của cụ Ng1, cụ X gồm: Thửa 59 cũ (mpt) diện tích 384,3m²; Thửa số 4 mới, tờ bản đồ số 31, xã ALL diện tích 5.609,6 m², thuộc khu A, B, C và D theo Mảnh trích đo ngày 28/6/2018; Thửa đất lúa 317, tờ bản đồ số 3 diện tích 743,7m²; thửa đất lúa 318, tờ bản đồ số 3 diện tích 669m²; Thửa đất lúa 315, tờ bản đồ số 3 diện tích 2.816m² thuộc khu A, B, C theo Mảnh trích đo ngày 28/6/2018.

Bà M, bà Ph, bà B, ông Tuấn có đơn yêu cầu chia thừa kế thống nhất di sản của cụ Ng1 và cụ X là toàn bộ quyền sử dụng đất là các thửa đất và tài sản

gắn liền với đất phía bà Ng và ông T cũng đồng ý. Yêu cầu của nguyên đơn phù hợp bản án hành chính phúc thẩm số 43/2012/HC-PT ngày 12/6/2012 của Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh. Việc Ủy ban nhân dân huyện CT ban hành quyết định số 317 ngày 05/10/1996 cấp quyền sử dụng đất cho ông D và ông T không đúng trình tự thủ tục quy định, đã xâm phạm đến quyền sở hữu và quyền sử dụng đất của cụ X và cụ Ng1, xâm phạm quyền thừa kế của những người thừa kế của cụ Ng1. Phía đại diện cho ông D cho rằng dù bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực nhưng cụ X không có đơn yêu cầu thi hành án, cũng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay thời hiệu yêu cầu thi hành án đã hết nên tài sản không phải là của cụ X, cụ Ng1, từ đó nguyên đơn và các liên quan không có quyền khởi kiện. LỜI TRÌNH BÀY NÀY LÀ KHÔNG ĐÚNG, BỞI: Dù cụ X không làm đơn yêu cầu thi hành án nhưng bản án hành chính phúc thẩm vẫn đang có hiệu lực và những tình tiết nhận định trong bản án vẫn có giá trị là những tình tiết, sự việc không phải chứng minh quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Cho nên phía bà H và ông D cũng như người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông D, ông T được cấp để cho rằng quyền sử dụng đất thuộc ông D, ông T là không có căn cứ. Đồng thời, cũng không có căn cứ cho rằng cơ quan thi hành án đã kê biên quyền sử dụng đất do ông T đứng tên để đảm bảo thi hành án cho các ông bà. Bởi tại Công văn số 902/CV-CCTHADS ngày 09/7/2018, Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT khẳng định: Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT chưa kê biên các thửa đất 60, 64, 2922 và các thửa 315, 317, 318 tờ bản đồ số 3 - Thửa mới 252, 19, tờ bản đồ số 05, đất tọa lạc tại ấp LĐ, xã ALL.

** Thời điểm mở thừa kế và diện thừa kế: Cụ Nguyễn Văn Ng1 mất năm 1991, đây là thời điểm phát sinh thừa kế phần di sản cụ Ng1 nhưng diện thừa kế không tranh chấp. Theo Bộ luật dân sự 2005, thời hiệu thừa kế 10 năm đã hết nhưng theo Điều 623 Bộ luật dân sự 2015, thời hiệu vẫn còn. Năm 2013, cụ X cũng mất. Hai cụ không để lại di chúc nên tài sản chung của hai cụ trở thành di sản chia theo pháp luật theo Điều 650 Bộ luật dân sự 2015.*

Thời điểm mở thừa kế, cha mẹ cụ Ng1 và cụ X không còn nên các con của hai cụ thuộc hàng thừa kế thứ nhất quy định tại Điều 651 Bộ luật dân sự 2015. Các đương sự trình bày thống nhất của cụ Ng1 và cụ X có 07 người con: Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị Yến Ph, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Yến Ng, Nguyễn Thị Yến M, Nguyễn Văn D, Nguyễn Anh T2. Ngoài ra, không còn diện thừa kế nào khác theo quy định của pháp luật nên những người này sẽ được nhận một suất thừa kế ngang nhau.

Quá trình tranh tụng, các bên không đặt ra vấn đề công sức bảo quản và gìn giữ tài sản. Mặt khác, những người quản lý sử dụng đất chỉ đầu tư khai thác hoa lợi mà không có công sức gì nên không áp dụng điểm c khoản 1 Điều 658 Bộ luật dân sự 2015 xem xét chia công sức.

** Phương pháp chia thừa kế như sau:*

Căn cứ vào biên bản thẩm định giá vào các ngày 08/8/2017, ngày 17/10/2017 và chứng thư thẩm định giá ngày 29/3/2018 xác định:

Diện tích 801,3m² thuộc phần thửa 59, 2922 và 60, ký hiệu A, A1, A2 và 669m² thuộc thửa 318 giá 1.652.745.500 đồng (1);

Diện tích 801,2m² thuộc phần thửa 2922 và 60, ký hiệu là B, B1 và thửa 317: giá 767.777.200 đồng (2);

Diện tích 4.007,1m² thuộc thửa 60 và 64, ký hiệu C và D và thửa 315 giá 4.066.493.600 đồng (3);

Căn nhà số 1: diện tích 115,7m² có giá trị là 222.282.840 đồng (4);

Nhà số 7: diện tích 89.9m², có giá trị là 21.140.884 đồng (5);

Kho số 11: diện tích 773,7m², có giá trị là 1.362.949.920 đồng (6);

Nhà thờ số 12: diện tích 203,9m², có giá trị là 218.274.950 đồng (7);

Máy biến thế: (45.072.900đồng + 12.046.500đồng) = 57.119.400 đồng (8)

Tổng giá trị tài sản tranh chấp (1) + (2) + (3) + (4) + (5) + (6) + (7) + (8) = 8.368.784.294. Mỗi kỷ phần là 1.195.540.613.

Những thừa kế có yêu cầu chia di sản đề nghị xem xét chia cho ông Nguyễn Văn D được hưởng phần đất trên có căn nhà một trệt, một lầu ở vị trí A (A1, A2) ông D đang trực tiếp quản lý sử dụng. Ông Nguyễn Văn T được hưởng phần ký hiệu B (và B1). Bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị Yên Ph, bà Nguyễn Thị Yên Ng, bà Nguyễn Thị Yên M và ông Nguyễn Anh T2 hưởng chung phần đất có ký hiệu C, D và thửa đất ruộng 315 (cũ). Về đất ruộng, các thửa đất 315, 317, 318 giá trị 981.058.400đ. Chia cho ông D thửa 317 (vị trí A, A1), ông T thửa 318 (vị trí B) và các ông bà B, bà Yên Ph, bà Yên Ng, bà Yên M và ông Anh T2 thửa đất ruộng 315 (vị trí C, C1) theo Mảnh trích đo địa chính duyệt ngày 06/9/2017. Riêng số trụ thanh long ruột trắng trồng trên đất do ông D bỏ ra đầu tư là một thực tế khi đó quyền sử dụng đất do ông D đứng tên tuy không hợp pháp nhưng ngay tình. Theo chứng thư thẩm định hiện nay, thanh long đã hư hại không còn giá trị khai thác hoa lợi, các trụ xi-măng trên đất chỉ còn 50% chất lượng sử dụng. Các thừa kế nhận kỷ phần có nghĩa vụ thôi hoàn giá trị cho ông D.

Xét đề xuất và yêu cầu chia của các đương sự phù hợp với hiện trạng đất và tài sản trên đất cũng như người đang trực tiếp sử dụng đất nên cần được chấp nhận. Diện tích đất ruộng chia cho ông D và ông T tuy không đủ diện tích tối thiểu nhưng đều là nguyên thừa đã được xác định từ trước, không thuộc trường hợp tách thửa mới. Bên nhận phần chênh lệch hơn kỷ phần sẽ hoàn giá trị cho các kỷ phần còn lại. Phần của ông T3 đã được xác định ranh giới và ông T3 trình bày không tranh chấp. Bà M cũng rút yêu cầu nên không xem xét.

Chia cho ông Nguyễn Văn D: Được nhận phần căn nhà số 1 và phần đất thuộc Khu A, A1 và A2, diện tích là 801,3m² theo Mảnh trích đo ngày 28/6/2018 và diện tích khu B thửa 318, diện tích 669m² theo Mảnh trích đo ngày

14/5/2015. Tổng giá trị ông D nhận 1.883.188.254 đồng, chênh lệch thừa so với suất mỗi người thừa kế được nhận là 687.647.641 đồng.

Chia cho ông Nguyễn Văn T được nhận phần đất thuộc khu B và B1, diện tích là 801,2m² theo Mảnh trích đo ngày 28/6/2018 và diện tích khu A thừa 317, diện tích 743,7m² theo Mảnh trích đo ngày 14/5/2015. Tổng giá trị ông T nhận 775.937.114 đồng. Chênh lệch thiếu so với suất mỗi người thừa kế 419.603.499 đồng

Chia cho bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị Yến Ph, bà Nguyễn Thị Yến Ng, bà Nguyễn Thị Yến M và ông Nguyễn Anh T2 nhận chung phần đất có diện tích 4.007,1m² (Tương đương mỗi người nhận 801,4m²) thuộc Khu C, D có các căn nhà số 2, 7, 8, 9, 11 và 12 theo Mảnh trích đo ngày 28/6/2018 và diện tích khu C thừa 315, diện tích 2.816m² (Tương đương mỗi người nhận 563,2m²) theo Mảnh trích đo ngày 14/5/2015. Tổng giá trị 5.709.658.925 đồng. Mỗi người thực nhận là 1.141.931.785 đồng. Chênh lệch thiếu so với suất mỗi người thừa kế là 53.608.828 đồng. Chênh lệch thiếu của 05 người là 268.044.140 đồng.

Bà B, bà Ph, bà Ng, bà M, ông Tuấn được nhận có tài sản trên đất thừa 315 là thanh long của ông D trồng diện tích 2.816m² là 352 trụ thanh long ruột trắng, giá trị là 352.000.000 đồng - theo Quyết định 57/2016/UBND của UBND tỉnh Long An thì 10.000m² trồng 1.250 trụ thanh long và trên đất thừa 60 có thanh long ruột đỏ của ông T trồng có giá trị là 74.250.000 đồng.

Như vậy, ông D phải thanh toán lại số tiền chênh lệch dư cho ông T số tiền là 419.603.499 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền 93.000.000 đồng thanh long của ông D trên thừa 317. Ông D phải thanh toán số tiền còn lại là 326.603.499 đồng cho ông T đủ số tiền một suất thừa kế. Bà B, bà Ph, bà Ng, bà M, ông Tuấn phải thanh toán số tiền 352.000.000 đồng thanh long cho ông D, nhưng được khấu trừ số tiền chênh lệch thiếu suất thừa kế là 268.044.140 đồng ông D còn thừa nên Bà B, bà Ph, bà Ng, bà M, ông Tuấn phải thanh toán tiếp cho ông D số tiền là 83.955.858 đồng. Bà B, bà Ph, bà Ng, bà M, ông Tuấn phải thanh toán cho ông T số tiền thanh long trên thừa 60 là 74.250.000 đồng.

Các đương sự được chia quyền sử dụng đất được quyền kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất được chia theo khoản 3 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 và Luật nhà ở.

Trên cơ sở các chứng cứ đã thu thập Tòa án nhân dân tỉnh Long an nhận định và phán xử theo nội dung phần quyết định trong bản án sơ thẩm là có căn cứ đúng pháp luật.

Mặt khác, từ các chứng cứ thu thập trong quá trình tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định và giá các chứng cứ khách quan phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Sự phán quyết này phù hợp với nguyện vọng của các đồng thừa kế (trừ ông D) mà bản thân họ là bị đơn và người liên quan không cùng ý kiến với nguyên đơn trước khi nguyên đơn khởi kiện. Minh chứng là tất cả 5 đồng thừa kế không kháng cáo.

[3] Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy;

Trên cơ sở các chứng cứ nêu trên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập đầy đủ chứng cứ, xác định đúng tư cách người tham gia Tố tụng và việc tiến hành quy trình tố tụng đúng theo quy định của Luật Tố tụng dân sự hiện hành. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận nội kháng cáo của các đương sự có kháng cáo về nội dung đề nghị Tòa án cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh hủy bản án sơ thẩm do bản án đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Người kháng cáo bản án sơ thẩm nhưng không nêu ra chứng cứ nào khác với các chứng cứ đã nêu tại cấp sơ thẩm. Do vậy Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người kháng cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm như phần đề nghị của vị kiểm sát viên tham dự phiên tòa tại cấp phúc thẩm.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

I/ Không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của bà Lê Thị Mỹ H và ông Nguyễn Văn D. Giữ nguyên nội dung Bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2020/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

II/ Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Lê Thị Mỹ H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí đã nộp số 0008649 ngày 16/10/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Long An.

Ông Nguyễn Văn D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí đã nộp số 0008648 ngày 16/10/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Long An.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự sơ thẩm và phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cục THADS tỉnh Long An;
- Các đương sự (27);
- Lưu HS (10), 42b (VTPT).

Phạm Thị Duyên